

Bản án số: 04/2020/DS-ST
Ngày: 28/02/2022

NHẬN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Xuân H**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Lê Văn D**

2. Ông **Lưu T**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Lê Hiền B** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa:* Ông **Võ Ngọc A** - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 169/2020/TLST-DS ngày 04/11/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-DS ngày 25/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-DS ngày 11/02/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị B**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số nhà 30, đường T, xã T, thành phố P, tỉnh G. Có mặt.

Bị đơn: Ông S, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Làng T, xã G, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Ngày 11/3/2021, Ông S có xác lập Giấy mượn tiền để vay của bà Huỳnh Thị B số tiền 301.875.000 đồng, thời hạn vay theo như thỏa thuận của các bên là 10 ngày. Quá thời hạn cam kết, mặc dù bà B đã rất nhiều lần yêu cầu Ông S trả nợ nhưng Ông S vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc bị đơn phải trả khoản nợ gốc và khoản tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt và không có cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 301.875.000 đồng; Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn là Ông S. Tuy nhiên, Ông S không đến Toà án để tham gia tố tụng, không đến tham gia phiên tòa, tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ông S.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 11/3/2021, Ông S có xác lập Giấy mượn tiền để vay của bà Huỳnh Thị B số tiền 301.875.000 đồng. Hợp đồng vay tài sản được các bên thực hiện tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực. Sau nhiều lần nguyên đơn yêu cầu trả nợ nhưng bị đơn vẫn không trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ.

Nguyên đơn cho rằng giữa các bên có cam kết về thời hạn thực hiện hợp đồng là 10 ngày và lãi suất tự thỏa thuận. Tuy nhiên, theo nội dung chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Giấy mượn tiền không thể hiện về lãi suất cũng như thời hạn; bị đơn không có mặt tham gia tố tụng; nguyên đơn cũng không có chứng cứ tài liệu gì để chứng minh cho lời khai của mình. Vì vậy, xác định hợp đồng này là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi suất.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền gốc, không yêu cầu phải trả khoản tiền lãi nữa. Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là trong phạm vi khởi kiện, tự nguyện, đúng pháp luật, được chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 91; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B.

1. Buộc Ông S phải trả cho bà Huỳnh Thị B số tiền 301.875.000 đồng (*Ba trăm lẻ một triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Buộc Ông S phải chịu 15.093.750 đồng (*Mười lăm triệu không trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị B số tiền 7.546.875 đồng (*Bảy triệu năm trăm bốn mươi sáu ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng*) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009341 ngày 03/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 28/02/2022. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G
- VKSND huyện Đ
- Chi cục THADS Đ
- Các đương sự
- Lưu HS, AV, VT

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân H